

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2025/DS-ST
Ngày 15 tháng 8 năm 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng
cầm cố tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Kiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Nam, ông Nguyễn Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Minh Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 358/2025/TLST-DS, ngày 20 tháng 5 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-DS, ngày 03 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 67/2025/QĐST-DS, ngày 24 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ Phần S;

Địa chỉ trụ sở: số A N, phường B, thành phố V (nay là phường T), tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông KANOKWATPAISAL NAPAT – Chức vụ: Giám đốc (Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2901807716, đăng ký lần đầu ngày 24/11/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 10/12/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh N cấp).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Cao Phương D, sinh năm 1985 (theo giấy ủy quyền số 1985/2024/UQ-SVN, ngày 26/11/2024).

Địa chỉ liên hệ: số A, khóm M, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Trần Ngọc Mai T, sinh năm: 1999

Cư trú tại: Số B, tổ A, khóm M, phường M, thành phố L (nay là phường L), tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết nguyên đơn do bà Cao Phương D là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 16/02/2024, bà Trần Ngọc Mai T và Chi nhánh A - T - Công ty Cổ phần S (sau đây gọi tắt là Công ty S1) thỏa thuận ký hợp đồng cầm cố tài sản số SNM240201004NA17X, phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng chính và Giấy mượn xe. Cụ thể:

1. Hợp đồng cầm cố tài sản số SNM240201004NA17X ký ngày 16/02/2024: Số tiền cầm cố là 6,510,000 đồng (Sáu triệu năm trăm mười ngàn đồng); thời hạn cầm cố: 06 tháng; mục đích cầm cố: phục vụ tiêu dùng cá nhân; ngày giải ngân: 16/02/2024; ngày thanh toán định kỳ: 16. Lãi suất cầm cố là 1.1% số tiền cầm cố/tháng; phí quản lý hồ sơ cố định là 0.5% số tiền cầm cố/tháng; lãi suất quá hạn: 150% số tiền quá hạn thanh toán/tháng tính từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn; phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm; phí tất toán hợp đồng trước thời hạn: 7% nợ gốc chưa thanh toán.

Tài sản bà T dùng để cầm cố và bảo đảm cho khoản cầm cố tài sản theo hợp đồng là 01 xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu: HONDA, loại: WAVE, biển số xe 67B2-134.66, số khung: RLHJA3904HY338567, số máy: JA39E0338516 theo giấy chứng nhận đăng ký số 010065 do Công an tỉnh A cấp ngày 08/02/2023. Tài sản trên đã được Công ty S1 đăng ký giao dịch đảm bảo tài sản trên hệ thống trực tuyến của cục Đ, số đăng ký giao dịch: 1539228639.

Theo đề nghị cầm cố và hợp đồng cầm cố số SNM240201004NA17X ký ngày 16/02/2024, công ty S1 đã giải ngân cho bà T số tiền là: 6,510,000 đồng (Sáu triệu năm trăm mười ngàn đồng).

2. Hợp đồng mượn xe ký ngày 16/02/2024: Do nhu cầu đi lại, phục vụ công việc, ngày 16/02/2024, bà Trần Ngọc Mai T đã có đơn gửi Chi nhánh A - Công ty S Có Ngay xin mượn lại chiếc xe để phục vụ đi lại và cam kết theo nội dung giấy mượn xe. Tài sản bà T mượn lại là 01 (một) xe mô tô hai bánh nhãn hiệu: HONDA; loại: WAVE, biển số xe 67B2-134.66, số khung: RLHJA3904HY338567, số máy: JA39E0338516 theo giấy chứng nhận đăng ký số 010065 do Công an tỉnh A cấp ngày 08/02/2023. Thời gian mượn xe: 01 (một) tháng, từ ngày 16/02/2024 đến ngày 16/03/2024.

Công ty S1 đã đồng ý cho bà T mượn tài sản nêu trên và bà T cam kết thực hiện đúng nội dung đã thỏa thuận trên hợp đồng, giấy mượn xe cùng các giấy tờ khác liên quan. Tuy nhiên, bà T đã không thực hiện đúng cam kết khi đã hết thời gian mượn xe mà bà T vẫn không bàn giao lại tài sản cho Công ty S1. Công ty S1 đã yêu cầu bà T bàn giao lại tài sản nhưng bà T liên tục trốn tránh không thực hiện.

Tính đến ngày 15/03/2025 bà Trần Ngọc Mai T chỉ thanh toán cho Công ty S1 số tiền là: 2,110,000 đồng bao gồm số tiền gốc, lãi và phí, phạt. Trong đó tiền gốc: 1,161,129 đồng; tiền lãi trong hạn: 131,754 đồng, tiền lãi quá hạn: 268,979 đồng; phí mượn xe: 488,250 đồng; phí quản lý hồ sơ: 59,888 đồng. Như vậy, tạm tính đến ngày 15/3/2025, bà T vẫn còn nợ Công ty S1 số tiền là 8,237,033 đồng (Tám triệu hai trăm ba mươi bảy ngàn không trăm ba mươi ba đồng), bao gồm

tiền gốc: 5,349,557 đồng; tiền lãi trong hạn: 122,196 đồng; tiền lãi quá hạn: 979,771 đồng; phí mượn xe: 1,302,000 đồng; phí quản lý hồ sơ: 55,544 đồng; phí phạt vi phạm hợp đồng: 427,965 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Trần Ngọc Mai T đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo cam kết trong hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của Công ty S1. Công ty S1 đã nhiều lần làm việc và gửi thông báo nhắc nhở tạo điều kiện cho bà T có thời gian thu xếp trả nợ nhưng bà T vẫn không thực hiện.

Nay, Công ty cổ phần S Có Ngay khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc bà Trần Ngọc Mai T phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tính đến ngày 15/03/2024 là 8,237,033 đồng (Tám triệu hai trăm ba mươi bảy ngàn không trăm ba mươi ba đồng) trong đó tiền gốc: 5,349,557 đồng; tiền lãi trong hạn: 122,196 đồng; tiền lãi quá hạn: 979,771 đồng; phí mượn xe: 1,302,000 đồng; phí quản lý hồ sơ: 55,544 đồng; phí phạt vi phạm hợp đồng: 427,965 đồng.

- Ngoài ra bà Trần Ngọc Mai T còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe kể từ ngày 16/03/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

- Bà Trần Ngọc Mai T phải chịu mọi chi phí tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Ngày 24/7/2025, Công ty cổ phần S có văn bản xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bà T phải trả phí mượn xe, phí quản lý hồ sơ và phí phạt vi phạm hợp đồng.

Bị đơn bà Trần Ngọc Mai T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý và tại phiên tòa là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn nên chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay, buộc bà T có trách nhiệm trả cho Công ty số tiền vốn và lãi phát sinh theo các hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ; Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S

Có Ngay đối với yêu cầu bà T trả phí mượn xe và phí quản lý hồ sơ do Công ty rút yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn bà Trần Ngọc Mai T tranh chấp hợp đồng cầm cố, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn xác lập hợp đồng và có nơi cư trú tại số B, tổ A, khóm M, phường M, thành phố L (nay là phường L), tỉnh An Giang. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Công ty S1 đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của bà T theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng cầm cố, hợp đồng mượn tài sản được coi là đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bà T theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Theo Phiếu xác minh ngày 20/5/2025 do Công an phường M (nay là phường L) cung cấp thì bà T có đăng ký cư trú tại số B, tổ A, khóm M, phường M, thành phố L (nay là phường L), tỉnh An Giang, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[1.3] Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hợp đồng cầm cố số SNM240201004NA17X và giấy mượn xe cùng ngày 16/02/2024 là sự tự nguyện thỏa thuận giao kết giữa các bên có đầy đủ năng lực hành vi pháp luật dân sự, không trái quy định pháp luật dân sự, đạo đức xã hội, phù hợp với khoản 1 Điều 275, Điều 309, khoản 3 Điều 314, Điều 494 Bộ luật dân sự. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty yêu cầu bà Trần Ngọc Mai T có trách nhiệm trả số tiền tính đến ngày 15/8/2025 là 6.901.690 đồng, trong đó: vốn 5.349.557 đồng, lãi trong hạn 122.196 đồng, lãi quá hạn 1.429.937 đồng, là có căn cứ theo quy định tại Điều 280, Điều 357, Điều 499 Bộ luật dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Hợp đồng cầm cố số SNM240201004NA17X, ngày 16/02/2024 được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh - Cục đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm vào ngày 16/02/2024. Tuy nhiên, nguyên đơn không yêu cầu xử lý đối với tài sản đảm bảo nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[2.3] Đối với, việc Công ty rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu bà T có trách nhiệm trả phí mượn xe: 1,302,000 đồng; phí quản lý hồ sơ: 55,544 đồng; phí phạt vi phạm hợp đồng: 427,965 đồng. Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu này.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty cổ phần S Có Ngay được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 2 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 275, Điều 280, Điều 309, khoản 3 Điều 314, Điều 357, Điều 494, Điều 499 Bộ luật dân sự;

- Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S Có Ngay đối với bà Trần Ngọc Mai T.

Buộc bà Trần Ngọc Mai T có trách nhiệm trả cho Công ty cổ phần S Có Ngay số tiền tính đến ngày 15/8/2025 là 6.901.690 đồng (Sáu triệu, chín trăm lẻ một nghìn, sáu trăm chín mươi đồng), trong đó: vốn 5.349.557 đồng, lãi trong hạn 122.196 đồng, lãi quá hạn 1.429.937 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S Có Ngay về việc yêu cầu bà Trần Ngọc Mai T phải trả phí mượn xe, phí quản lý hồ sơ và phí phạt vi phạm hợp đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Ngọc Mai T phải chịu 345.000 đồng (Ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty cổ phần S Có Ngay được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002935, ngày 19/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh A).

3. Về quyền kháng cáo: Công ty cổ phần S Có Ngay và bà Trần Ngọc Mai T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND KV 9 – An Giang;
- THADS An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

Nguyễn Thị Tuyết Kiên